

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

Nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp” năm 2022

BẢN TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG ĐỢT 10

NGÀY QUAN TRẮC 22 THÁNG 8 NĂM 2022

NGÀY THÔNG TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC 23 THÁNG 8 NĂM 2022

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ

CƠ QUAN THỰC HIỆN

VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

ThS Vũ Quốc Chính

Thông tin chung

Nhiệm vụ “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2022” được Tổng cục Thủy lợi – Bộ Nông nghiệp và PTNT giao Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường thực hiện năm 2022. Trong năm 2022 quan trắc tại 15 vị trí, 10 đợt vào vào các tháng 2, 3, 4, 7 và 8 (mỗi tháng lấy 2 đợt) và dự báo 7 ngày tiếp theo. Báo cáo kỳ được đưa lên websites của Tổng cục Thủy lợi tại địa chỉ www.httl.com.vn và gửi cho các địa phương vùng dự án.

Bản tin kết quả quan trắc hiện trường đợt 10 lấy mẫu ngày 22/8/2022. Nội dung gồm: Tình trạng đóng mở cống, chế độ dòng chảy, tình trạng chất thái, màu, mùi; kết quả đo các chỉ tiêu ngoài hiện trường (nhiệt độ, pH, DO) và những khuyến cáo chất lượng nước phục vụ SXNN.

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2022

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG ĐỢT 10

1. Nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

2. Ngày quan trắc: 22/8/2022

Ngày cung cấp TT: 23/8/2022

3. Tình trạng hoạt động của các công trình tưới, tiêu:

- Mẫu lấy ngày 22/8/2022 vào thời kỳ cấp nước tưới dưỡng lúa vụ mùa (11/7 đến 28/10/2022). Thời điểm lấy mẫu lúa Mùa vào thời kỳ đứng cái chuẩn bị làm đồng. Theo lệnh điều hành hệ thống của Công ty KTCTTL Bắc Hưng Hải: Xuân Quan không chế hạ lưu: 180 – 220 cm; Kênh Cầu không chế thượng lưu: 160 – 200 cm; Bá Thủy không chế thượng lưu: 120 – 150 cm; Neo không chế thượng lưu: 110 – 140 cm; Cầu Xe, An Thổ không chế thượng lưu: 80 – 100 cm hoặc gạn tháo.

- Do ảnh hưởng của cơn bão số 2 và hoàn lưu mưa sau bão, trước thời điểm lấy mẫu hệ thống thực hiện gạn tháo nước qua Cầu Xe và An Thổ từ ngày 10/8 đến ngày lấy mẫu (22/8). Thời điểm lấy mẫu tình trạng hoạt động của các công trình tưới, tiêu như sau: Công Xuân Quan, Báo Đập đóng kín không chế hạ lưu Xuân Quan; Cầu Xe đóng do nước trong hệ thống thấp hơn sông ngoài; An Thổ mở gạn tháo nhưng có nước ngược chảy do nước trong hệ thống thấp hơn sông ngoài; Cầu Cát đóng kín; công Kênh Cầu, Neo, Bá Thủy, Lục Điền mở thông. Các công tiêu: Xuân Thụy đang thi công công, nước chảy tự do ra sông Kim Sơn theo công nắn dòng; Ngọc Đà mở thông 2 cửa; Ngọc Lâm, Phần Hà và Bình Lâu mở.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 15 (Có danh sách kèm theo)

5. Đơn vị thực hiện: Viện Nước, Tưới tiêu và MT

Người cung cấp thông tin: ThS Vũ Quốc Chính - Chủ nhiệm nhiệm vụ

6. Đơn vị nhận thông tin: Tổng cục Thủy lợi và các đơn vị khai thác CTTL trong vùng:

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG ĐỢT 10 (So sánh với QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A₁ và B₁)

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
1	BHH 1	Công Xuân Quan	- Kiểm tra nước sông Hồng trước khi chảy vào hệ thống BHH - Nguồn nước có thể bị ảnh hưởng bởi nước ô nhiễm từ	- Công đóng, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. Mục nước TL = 231 cm; HL = 246 cm; - Nước có màu xanh nhạt, không có mùi lạ, không rác thải.	29,2	6,94	5,4	- DO đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN, nhưng không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho NTTS. - Tăng cường lấy, trữ nước vào hệ thống. Nhưng không sử dụng nước

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
			cổng Xuân Thụy				trực tiếp cho NTTS.	
2	BHH2	Cổng Xuân Thụy	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nước sông Cầu Bậy trước khi chảy ra sông Kim Sơn. - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt, công nghiệp quận Long Biên và Gia Lâm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đang thi công cồng, mẫu nước lấy tại cửa cồng nấn dòng. Nước chảy tự do ra ngoài, dòng chảy trung bình. Mực nước TL = 210 cm; HL = 204 cm; - Nước có màu xanh lục, mùi hơi hôi. Không có rác thải. 	28,0	7,14	1,7	<ul style="list-style-type: none"> - DO < 2 mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể bị chết. - Khuyến cáo: Người dân không lấy nước tưới và sử dụng nước cho NTTS. - Thời điểm này hệ thống đang cạn tháo nên có thể tháo nước ra ngoài. Nhưng cần có biện pháp chặn dòng vào thời điểm lấy nước tưới và hệ thống trữ nước.
3	BHH3	Cầu Như Quỳnh	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nước sông Đình Dù cấp cho SXNN và NTTS khu vực huyện Văn Lâm (Hung Yên) và huyện Thuận Thành (Bắc Ninh) qua TB Như Quỳnh - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt khu vực TT Như Quỳnh, nước thải các KCN: Như Quỳnh A, Như Quỳnh B và Tân Quang 	<ul style="list-style-type: none"> - Dòng chảy yếu theo hướng về cầu Tăng Bảo. - Nước màu đen đục, mùi hơi hôi, nhiều rác thải nổi trên sông. 	28,5	6,46	2,1	<ul style="list-style-type: none"> - DO < 3 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN và NTTS. - Khuyến cáo: Người dân hạn chế lấy nước tưới và không sử dụng nước cho NTTS. - Tăng cường lấy nước bổ sung từ sông Đuống qua TB Phú Mỹ.
4	BHH4	Cổng kênh Cầu	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nước sông Kim Sơn cấp cho SXNN và NTTS khu vực huyện Văn Giang và hạ lưu phía Bắc hệ thống. - Nguồn nước bị ảnh hưởng của các nguồn thải khu vực Gia Lâm, Long Biên xả qua 	<ul style="list-style-type: none"> - Cống mở thông, dòng chảy yếu. Mực nước TL= 202 cm; HL = 201 cm. - Nước màu xám đục, không có mùi lạ, nhiều rác thải. 	28,6	6,36	3,8	<ul style="list-style-type: none"> - DO < 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN và NTTS. Cá và các sinh vật thủy sinh có thể có hiện tượng ngơ ngẩn. - Lấy được nước tưới nhưng hạn chế sử dụng nước cho NTTS. Khi

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
			công Xuân Thụy; Nước thải KCN Như Quỳnh từ sông Đình Dù ra sông Kim Sơn tại cầu Tăng Bảo				sử dụng nước cho NTTS cần xử lý qua các ao lắng và xử lý bằng thực vật trước khi cấp cho ao nuôi.	
5	BHH5	Cổng Ngọc Đà	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra nước kênh Kiên Thành tiêu ra sông Đình Dù. Bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt, công nghiệp khu Tân Quang, Như Quỳnh A, Phú Thụy, Trâu Quỳ. 	<ul style="list-style-type: none"> Cổng mở 2 cửa, dòng chảy trung bình. Nước có màu đen đục, mùi hôi, không có rác thải. Hạ lưu sau cống nổi nhiều bọt trắng nhỏ. 	27,8	6,56	1,7	<ul style="list-style-type: none"> DO < 2 mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể bị chết. Khuyến cáo cho người dân không lấy nước tưới và sử dụng nước cho NTTS; Thời điểm hệ thống đang gan tháo nên có thể tháo nước ra ngoài. Nhưng không nên mở cống Ngọc Đà ra sông Đình Dù vào các thời điểm lấy nước phục vụ SXNN
6	BHH6	Cổng Ngọc Lâm	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra nước sông Cầu Lường trước khi chảy ra sông Kim Sơn. Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải KCN Minh Đức, các doanh nghiệp ven sông Cầu Lường ở xã Ngọc Lâm, Xuân Dục, Bạch Sam (huyện Mỹ Hào, Hưng Yên). 	<ul style="list-style-type: none"> Cổng mở, dòng chảy yếu ra sông Kim Sơn. Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ, không có rác thải. 	29,4	6,79	3,5	<ul style="list-style-type: none"> DO < 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN và NTTS. Cá và các sinh vật thủy sinh có thể có hiện tượng ngơ ngẩn đầu. Khuyến cáo cho người dân có thể lấy nước tưới, nhưng không sử dụng nước trực tiếp cho NTTS;
7	BHH7	Cổng Phần Hà	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra nước kênh Trần Thành Ngọ trước khi chảy ra sông Kim Sơn. Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải KCN Dệt may phố 	<ul style="list-style-type: none"> Cổng mở, dòng chảy yếu ra sông Kim Sơn. Nước màu nâu nhạt, không có mùi lạ, không có rác thải. 	29,3	6,61	3,6	<ul style="list-style-type: none"> DO < 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN và NTTS. Cá và các sinh vật thủy sinh có thể có hiện tượng ngơ ngẩn đầu.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
			Nôi, KCN Thăng Long 2, nước thải sinh hoạt và các doanh nghiệp dọc đường 5, làng nghề thu gom phế liệu Phan Bôi của xã Dị Sử (huyện Mỹ Hòa, Hưng Yên).					- Lấy được nước tưới nhưng hạn chế sử dụng nước cho NTTS. Khi sử dụng nước cho NTTS cần xử lý qua các ao lắng và xử lý bằng thực vật trước khi cấp cho ao nuôi.
8	BHH8	Cống Bá Thủy	- Nước sông Kim Sơn chảy vào sông Đình Đào, cấp nước tưới cho huyện Bình Giang, Thanh Miện, Gia Lộc, tỉnh Hải Dương - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải TP Hải Dương khu vực nhà máy sứ, bệnh viện tỉnh HD chảy vào sông Kim Sơn.	- Cống mở thông, dòng chảy trung bình. Mức nước TL= 153 cm; HL= 151 cm. - Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ, nhiều bèo tây lẫn rác thải trước cống.	30,4	6,48	5,6	- DO đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN, nhưng không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho NTTS. - Tăng cường lấy nước cấp cho SXNN. - Sử dụng được cho NTTS, nhưng khi sử dụng cần xử lý qua các ao lắng và xử lý bằng thực vật trước khi cấp cho ao nuôi.
9	BHH9	Cống Bình Lâu	Tiêu nước thải TP Hải Dương khu vực nhà máy sứ, bệnh viện tỉnh HD chảy vào sông Kim Sơn.	- Cống mở, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. - Nước màu xanh lục, mùi hôi thối, không có rác thải.	29,2	6,94	1,4	- DO < 2 mg/l, cá và các sinh vật thủy sinh có thể bị chết. - Khuyến cáo: Người dân không lấy nước tưới và sử dụng nước cho NTTS. - Không mở cống Bình Lâu ra sông Kim Sơn vào các thời điểm lấy nước phục vụ SXNN;
10	BHH10	Cống Cầu Cát	- Kiểm tra nước sông Kim Sơn cấp cho SXNN và NTTS khu vực TP Hải Dương, huyện Tứ Kỳ và nước tiêu hệ thống ra sông Thái Bình.	- Cống đóng, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Mức nước TL= 85 cm, HL= 158 cm. - Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ, không có rác thải.	30,4	6,97	3,8	- DO < 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN và NTTS. Cá và các sinh vật thủy sinh có thể có hiện tượng ngơ ngẩn.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường				Khuyến cáo
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH	DO (mg/l)	
			- Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước tiêu TP Hải Dương.					- Lấy được nước tưới nhưng hạn chế sử dụng nước cho NTTS. Khi sử dụng nước cho NTTS cần xử lý qua các ao lắng và xử lý bằng thực vật trước khi cấp cho ao nuôi.
11	BHH11	Cống An Thổ	Kiểm tra nước sông An Thổ cấp cho SXNN và NTTS vùng hạ du Ninh Giang, và nước tiêu hệ thống ra sông Luộc.	- Cổng đóng, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. Mực nước TL= 88 cm; HL= 175 cm - Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ, không có rác thải.	30,4	7,12	4,6	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN, nhưng không đạt tiêu chuẩn nước cấp cho NTTS. - Tăng cường lấy nước cấp cho SXNN. - Sử dụng được cho NTTS, nhưng khi sử dụng cần xử lý qua các ao lắng và xử lý bằng thực vật trước khi cấp cho ao nuôi.
12	BHH12	Cống Cầu Xe	Kiểm tra nước sông Cầu Xe cấp cho SXNN và NTTS vùng hạ du huyện Ninh Giang và nước tiêu hệ thống ra sông Thái Bình.	- Cổng đóng, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. Mực nước TL= 88 cm; HL= 167 cm - Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ, không rác thải.	30,5	7,06	4,3	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN, nhưng không đạt tiêu chuẩn nước cấp cho NTTS. - Tăng cường lấy nước cấp cho SXNN. - Sử dụng được cho NTTS, nhưng khi sử dụng cần xử lý qua các ao lắng và xử lý bằng thực vật trước khi cấp cho ao nuôi.
13	BHH13	Cống Lục Điền	Kiểm tra nước sông Kim Sơn chảy vào sông Điện Biên	- Cổng mở thông, dòng chảy yếu ra sông Kim Sơn. Mực nước TL= 126 cm; HL = 128 cm. - Nước màu nâu nhạt, không có mùi lạ, không có rác thải.	30,2	7,23	4,1	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN, nhưng không đạt tiêu chuẩn nước cấp cho NTTS. - Tăng cường lấy nước cấp cho SXNN.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
							- Sử dụng được cho NTTS, nhưng khi sử dụng cần xử lý qua các ao lắng và xử lý bằng thực vật trước khi cấp cho ao nuôi.	
14	BHH14	Cống Bằng Ngang	- Kiểm tra nước sông Điện Biên cấp cho SXNN và NTTS các xã phía Bắc huyện Kim Động, phía nam huyện Khoái Châu. - Nguồn nước bị ảnh hưởng nước thải sinh hoạt dân cư và nước tiêu SXNN.	- Dòng chảy yếu ra sông Cửu An. - Nước màu xanh lơ đục, không có mùi lạ, nhiều bèo và rác thải.	29,1	6,98	3,6	- DO < 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN và NTTS. Cá và các sinh vật thủy sinh có thể có hiện tượng ngơ ngẩn đầu. - Lấy được nước tưới nhưng hạn chế sử dụng nước cho NTTS. Khi sử dụng nước cho NTTS cần xử lý qua các ao lắng và xử lý bằng thực vật trước khi cấp cho ao nuôi.
15	BHH15	Cống Neo	- Kiểm tra nước sông Cửu An trước khi chảy vào địa giới tỉnh Hải Dương. - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước tiêu tỉnh Hưng Yên.	- Cổng mở thông, dòng chảy trung bình. Mực nước TL= 147 cm; HL= 145 cm. - Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ, không có rác thải.	30,2	7,16	4,1	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN, nhưng không đạt tiêu chuẩn nước cấp cho NTTS. - Tăng cường lấy nước cấp cho SXNN. - Sử dụng được cho NTTS, nhưng khi sử dụng cần xử lý qua các ao lắng và xử lý bằng thực vật trước khi cấp cho ao nuôi.
QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A1				-	-	6,0-8,5	≥6	-
QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1				-	-	5,5-9,0	≥4	-

Ghi chú: QCVN08-MT:2015/BTNMT cột A1- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

- Cột A1 - Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1 và B2.
- Cột B1- Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2;